TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DS-PT
Ngày: 16/01/2018
V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Huỳnh Thanh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Minh Bằng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2017/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2017/DS - ST ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 357/2017/QĐ – PT ngày 18 tháng 10 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐ-PT ngày 04/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H: Luật sư Nguyễn G, Văn phòng Luật sư G, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của của ông U: Anh Nguyễn Văn N , sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị A, sinh năm 1949;

- Ông Bùi Văn N1, sinh năm 1963;

- Anh Bùi Văn H1, sinh năm 1993;

- Chị Bùi Thị Bảo S, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1967;

- Anh Nguyễn Phước H2, sinh năm 1987;

- Anh Nguyễn Phước H3, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1958;

- Chị Phạm Thị Phương T, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M, chị T: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Nguyễn Phong V, sinh năm 1977;

- Chị Nguyễn Thị Kim N2, sinh năm 1980;

- Chị Nguyễn Thị Huỳnh N3, sinh năm 1997;

- Chị Nguyễn Thị Huỳnh G1, sinh năm 1998;

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1954;

- Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1984;

- Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1988;

- Chị Lê Thị Thu L1, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án.

(Có mặt chị H, anh N, anh V, chị N2, Luật sư Nguyễn G; vắng mặt bà A, ông N1, anh H1, chị S, bà Đ, anh H2, anh H3, chị N3, chị G1, bà T2, ông R, chị L, chị L1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, Trần Thị A, Bùi Văn N1, Bùi Thị Bảo S trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 470, tờ bản đồ số 2a, diện tích 2.439m^2 do hộ chị H đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt Giấy CNQSDĐ), tọa lạc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là của ông bà để lại cho cha mẹ chị H (cha Nguyễn Văn D chết năm 1996). Đến năm 2008, bà Trần Thị A

(mẹ chị H) làm thủ tục cho chị H đứng tên quyền sử dụng đất và sử dụng liên tục từ năm 2008 cho đến nay. Trước đây, khi cấp đất cho bà A và khi sang tên lại cho chị H không đo đạc thực tế. Giáp ranh với thửa đất 470 là các thửa đất số 105, 106, 108 cùng tờ bản đồ số 23 của ông Nguyễn Văn U đứng tên. Năm 2011, bà M cất nhà lấn chiếm phần đất của chị H, chị H có làm đơn thưa nhưng vì bệnh và không có thời gian nên đã rút đơn. Liền kề phía sau là chuồng heo của ông U cất năm 2000, lúc cất vợ ông U có qua hỏi và được bà A đồng ý, việc cho cất nhờ chỉ nói miệng chứ không có giấy tờ. Năm 2013, anh V cất nhà, chị H có tranh chấp, trước đó có căn nhà nhỏ không lấn qua đất chị H như hiện trạng. Chị H có cung cấp cho Toà án tấm hình chụp căn nhà cũ của anh V. Phía sau là nhà bếp của bà T2 cất năm 2011, tuy cất qua đất chị H nhưng lúc đó chị H không có tranh chấp. Nối liền phía sau trên đường ranh tranh chấp là đường thoát nước thải chăn nuôi heo. Nay chị H yêu cầu: Giữ nguyên hiện trạng căn nhà bà M, yêu cầu trả giá trị phần đất lấn chiếm theo giá của Hội đồng định giá; ông U tháo dỡ chuồng heo, ông V tháo dỡ nhà, bà T2 tháo dỡ nhà bếp trả lại phần đất đã lấn chiếm, chị H không hỗ trợ chi phí tháo dở, tổng diện tích tranh chấp như đo đạc 155,80m^2, chị H yêu cầu diện tích đất trong phạm vị các mốc M1, M2, M3, M4 là của chị H.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đ, anh H2, anh H3 trình bày: Nguồn gốc các thửa đất 105, 106, 108, cùng tờ bản đồ số 23 là của ông bà để là cho cha ông U và ông U đã được Cấp CNQSDĐ. Giáp ranh với các thửa đất của ông Út là thửa đất số 470 của chị Nguyễn Thị H. Trong quá trình sử dụng thì ông U không có lấn chiếm đất của chị H. Chuồng heo đã được ông Út xây dựng cách đây khoảng 30 năm. Nay ông U không đồng ý trả lại đất và không đồng ý tháo dở, di dời chuồng heo theo yêu cầu của chị H. Đối với sân gạch được xây vào năm 2004, khi xây không có tranh chấp. Nay ông U không yêu cầu định giá sân gạch, nếu Toà án giải quyết đất của chị H thì ông U không yêu cầu trả giá trị. Ông U yêu cầu xác định ranh giới là từ điểm M1 đến M2 là ranh chung. Đối với nhà của bà M, anh V, bà T2 thì ông U không yêu cầu gì, để các bên tự thoả thuận.

- Bà Nguyễn Ngọc M, chị Phạm Thị Phương T trình bày: Căn nhà bà M được xây dựng năm 2012, được xây trên nền nhà cũ y hiện trạng được cất vào năm 2000 phần đất này ông U cho cất nhà ở chưa sang tên cho bà M. Nay bà M không đồng ý theo yêu cầu của chị H, yêu cầu giữ nguyên hiện trạng vì khi bà M cất nhà chị H không tranh chấp. Trường hợp, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị H thì bà M đồng ý tháo dở phần nhà này, không yêu cầu bồi thường và không đồng ý trả giá trị lại cho chị H. Nếu chấp nhận đất của ông U thì tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Nguyễn Phong V, chị Nguyễn Thị Kim N2 cùng trình bày: Vợ chồng anh V cất nhà năm 2013 trên nền cũ năm 2005 không thay đổi vị trí. Nay không đồng ý yêu cầu của chị H. Trường hợp Tòa giải quyết chấp nhận yêu cầu

của chị H thì đồng ý tháo dỡ phần nhà này, không yêu cầu bồi thường. Nếu đất của ông U thì tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Tại các phiên hoà giải của Toà án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nguyên Thị Kim N2 là đại diện ủy quyền của Nguyễn Thị Huỳnh N3, Nguyễn Thị Thuy T2, Lê Thị Thu L1, Nguyền Văn R, Nguyễn Thị Thùy L trình bày: Nhà bếp bà T2 đã cất lại năm 2011 trên nền nhà bếp cũ đã được cất hơn 20 năm, chị H không có tranh chấp nên không đồng ý tháo dỡ theo yêu cầu của chị H. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị H thì bà T2 đồng ý tháo dỡ, không yêu cầu định giá nhà bếp và không yêu cầu bồi thường. Nếu chấp nhận đất của ông U thì ông U thì tự thỏa thuận, không yêu câu Tòa án giải quyết.

- Tại bản án dân sự số 42/2017/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 470, tờ bản đồ số 02a do hộ chị Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất với các thửa đất số 105, 106, 108 cùng tờ bản đồ số 23 do hộ ông Nguyễn Văn U và bà Bùi Thị Đ đứng tên quyền sử dụng đất là:

Từ điểm M1 kéo thẳng về hướng điểm M5 (cách góc nhà gần nhất của chị H là 0,22m) dài 27,10m, từ điểm M5 kéo thẳng đến điểm M2 dài 105,19m là ranh chung.

(Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2016 và sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ranh giới được xác định là đường thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Cây trồng, vật kiến trúc của ai vướng vào đường ranh chung thì phải tháo bỏ di dời.

3. Hộ chị Nguyễn Thị H và hộ ông Nguyễn Văn U, bà Bùi Thị Đ phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và điều chỉnh diện tích đất như kết quả đo đạc thực tế được xác định ranh.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 701.000 đồng (Bảy trăm lẻ một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào 924.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai số 00298 ngày 11/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị Nguyễn Thị H được nhận lại 223.000 đồng (Hai trăm hai mươi ba nghìn đồng).

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị H phải chịu chi phí thẩm định, định giá là 7.592.000 đồng (Bảy triện năm trăm chín mười hai nghìn đồng), số tiền này chị H đã tạm nộp đủ và chi xong.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên xử nghĩa vụ chậm thi hành án, hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/9/2017, chị Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 42/2017/DS-ST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Luật sư Nguyễn G là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H trình bày: Theo đo đạc thực tế diện tích đất của chị H thiếu 253m^2 so với Giấy CNQSDĐ được cấp. Trong khi đó, khi cấp đổi Giấy CNQSDĐ cho ông U tăng 404,4m^2 cho nên việc cấp đổi Giấy CNQSDĐ là không đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị H, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

Anh Nguyễn Văn N là người đại diện theo ủy quyền của ông U, anh M, chị T trình bày: Việc cấp đổi Giấy CNQSDĐ của hộ ông U là do cơ quan có thẩm quyền đo đạc, xem xét cấp đổi theo quy định pháp luật. Đồng thời, hộ ông U và những người ở trên đất của ông U là đúng hiện trạng, không có lấn chiếm đất của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Về đường lối xét xử đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của Luật sư và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Chị H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại chứng cứ trong vụ án và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ,

[1] Chị Nguyễn Thị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình: Chị H yêu cầu được sử dụng diện tích đất 155,80m^2 loại đất ở nông thôn và cây lâu năm. Để chứng minh cho yêu cầu của mình chị H có cung cấp Tờ trích bán ruộng vườn năm 1957 và Giấy CNQSDĐ được cấp năm 2008, theo đó chị H được cấp diện tích đất 2.439m^2, nhưng hiện nay chị H sử dụng thực tế là 2.186m^2 nên cho rằng phía ông U lấn chiếm. Tuy nhiên, Tờ trích bán ruộng vườn ngày 09/02/1957 có các nội dung về thông tin người bán, người mua, số tiền chuyển nhượng, tứ cận: Hướng Bắc giáp Lê Văn Sinh, hướng

N giáp Nguyễn Văn Chí (giáp đất ông U hiện nay), hướng Tây giáp Rạch Chùa cạn, hướng Đông giáp nguyên chủ (đất còn lại của ông Quyền), các thỏa thuận của hai bên về việc mua bán. Như vậy, Tờ trích bán ruộng không mô tả hiện trạng tứ cận, không nêu diện tích mua bán do đó không có thông tin cần thiết để chứng minh trong vụ án này. Đối với Giấy CNQSDĐ được cấp ngày 12/12/2008 cho hộ bà H thì UBND huyện L xác nhận bà Trần Thị A là mẹ chị H đã làm thủ tục tặng cho toàn bộ thửa đất 470 nói trên cho chị H, cấp đất theo bản đồ 299 nên không đo đạc thực tế, không xác định được nguyên nhân thiếu đất. Như vậy, các tài liệu, chứng cứ do chị H cung cấp là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Đối với thực trạng sử dụng diện tích đất đang tranh chấp cho thấy trên phần đất đang tranh chấp có một phần căn nhà của bà M là 3,2m^2, căn nhà của anh V, chị N2 là 2,3m^2, chuồng heo của ông U là 3,3m^2, nhà bếp của bà Thúy là 2,4m^2 và 05 cây mít do anh V trồng. Đối với hiện trạng từng công trình như sau:

- Chị H và ông U đều thừa nhận liền kề là phần sân gạch do ông U xây năm 2004, vị trí giáp tới đường ranh và khi xây dựng bà A (mẹ chị H) cũng như chị H không có tranh chấp;

- Đối với căn nhà của bà M xây dựng năm 2011, nhưng được xây dựng lại trên nên nhà cũ cất năm 2000, các bên đều thống nhất thời gian xây dựng. Chị H cho rằng khi bà M xây nhà chị có làm đơn thưa ra ấp nhưng không có tài liệu chứng minh;

- Đối với diện tích chuồng heo 3,3m^2 của ông U cho rằng đã xây dựng trên 30 năm nay, nhưng chị H chỉ thừa nhận xây dựng năm 2000. Chị H cho rằng ông U có gặp mẹ chị H đế xin cất nhờ chuồng heo và được mẹ chị H đồng ý, tuy nhiên không có giấy tờ chứng minh, đồng thời ông U cũng không thừa nhận;

- Căn nhà của anh V, chị N2 được xây mới lại năm 2013, khi xây dựng lại chị H có tranh chấp vì cho rằng năm 2005 anh V và chị N2 cất nhà trên nền nhà này nhưng diện tích nhỏ hơn, khi xây dựng lại thì lấn chiếm qua. Chị H cung cấp cho Toà án tấm hình chụp căn nhà cũ của anh V, chị N2 tuy nhiên chỉ là chụp một góc nhà, không xác định được kích thước, vị trí căn nhà như chị H trình bày, do đó không có giá trị chứng minh cho lời trình bày của chị H;

- Nhà bếp của bà T2 cho rằng đã dựng lên cách đây hơn 20 năm. Tuy nhiên, chị H chỉ thừa nhận bà T2 cất năm 2011, khi cất bà T2 có gặp chị H xin hỏi cất nên đồng ý không tranh chấp, tuy nhiên việc thoả thuận này chỉ nói miệng chứ không làm giấy tờ gì và không được bà T2 thừa nhận;

- Đường ranh này tiếp phía sau là con mương. Chị H cho rằng con mương là do ông nội chị H đào năm 1957, có bà Nguyễn Thị Thang cho biết từ khi gia đình chị H mua đất thì đào hầm nuôi cá tra, đến năm 2011 thì bên ông U lấn chiếm. Tuy nhiên, chị H cho rằng chị H sử dụng nuôi cá tra đến năm 2008

thì phía bên ông U chiếm dụng để bà T2 sử dụng làm đường thoát nước cho chuồng heo cho đến nay, nhưng chị không tranh chấp. Như vậy, lời khai của bà Thang và chị H mâu thuẫn với nhau. Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc Q là người làm chứng cho ông U trình bày con mương là do cả hai bên cùng đào trước và sau năm 1965, cùng sử dụng làm nước tưới tiêu;

- Ngoài ra còn có 05 cây mít do anh V trồng cách nay khoảng 04 năm, khi trồng các bên không có tranh chấp.

Như vậy, các bên có mâu thuẫn về thời gian sử dụng các công trình trên đất tranh chấp, tuy nhiên hiện trạng cho thấy đã được các hộ sử dụng ổn định ít nhất cũng trên 07 năm (theo lời khai của chị H). Có đến 06 công trình của các hộ và 05 cây mít đã được xây dựng, trồng cây, sử dụng lâu dài nhưng chị H không có tranh chấp mặc dù cho rằng lấn chiếm đất là không phù hợp với thực tế và yêu cầu bảo vệ quyền sử dụng đất của người sử dụng. Ngược lại, thực trạng cho thấy chị H không sử dụng phần đất đanh tranh chấp.

[3] Từ những phân tích trên, cho thấy chị H không chứng minh được quyền sử dụng đất của mình, ngược lại các hộ khác đã và đang sử dụng ổn định nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là đúng theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án huyện L.

[6] Đại diện viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có phù hợp nên chấp nhận.

[7] Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên chị H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị H.

2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 470, tờ bản đồ số 02a do hộ chị Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất với các thửa đất số 105, 106, 108 cùng tờ bản đồ số 23 do hộ ông Nguyễn Văn U và bà Bùi Thị Đ đứng tên quyền sử dụng đất là:

Từ điểm M1 kéo thẳng về điểm M5 (cách góc nhà gần nhất của chị H là 0,22m) dài 27,10m, từ điểm M5 kéo thẳng đến điểm M2 dài 105,19m là ranh chung.

(Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2016 và sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ranh giới được xác định là đường thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Cây trồng, vật kiến trúc của ai vướng vào đường ranh chung thì phải tháo dở, di dời.

3. Hộ chị Nguyễn Thị H và hộ ông Nguyễn Văn U gồm: Ông Nguyễn Văn U, bà Bùi Thị Đ, anh Nguyễn Phước H2, anh Nguyễn Phước H3 phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và điều chỉnh diện tích đất như kết quả đo đạc thực tế được xác định ranh nêu trên.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 701.000 đồng (Bảy trăm lẻ một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào 924.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00298 ngày 11/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị Nguyễn Thị H được nhận lại 223.000 đồng (hai trăm hai mươi ba nghìn đồng).

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị H phải chịu chi phí thẩm định, định giá là 7.592.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm chín mười hai nghìn đồng), số tiền này chị H đã nộp đủ và chi xong.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng chị H được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai số 16647 ngày 12/9/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS x.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Hồng Nước